

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2017/DS-PT
Ngày 25 - 10 - 2017
V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lương

Các Thẩm phán:

Ông Trần Trí Dũng

Bà Võ Phương Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Giang Thị Kim Ngũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DSST ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 223/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị A**; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**; Địa chỉ: Khu vực 2, phường K, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: 1- Bà **Trần Thị C**;

2- Ông **Nguyễn Văn D**; 3- Ông **Nguyễn Văn Đ**;

4- Ông **Nguyễn Văn E**; 5- Ông **Nguyễn Văn F**;

6- Bà **Nguyễn Thị M**; 7- Bà **Nguyễn Thị N**;

8- Ông **Nguyễn Văn L**; 9- Ông **Nguyễn Văn K**.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị A** là nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2016).

- Người kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị B** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày: Vào năm 2001 bà tham gia chơi hụi và mượn của bà Nguyễn Thị B 4.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng và chỉ thỏa thuận bằng miệng, bà có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/9/1997 của hộ ông Nguyễn Văn P giao cho bà B để làm tin, cho đến nay bà còn nợ bà B số tiền này. Đến năm 2016, do gia đình ông P đòi lại giấy đất trên nên bà yêu cầu bà B trả lại giấy đất bà sẽ trả lại 4.000.000 đồng và tiền lãi là 16.000.000 đồng nhưng bà B không đồng ý và đòi bà phải trả là 40.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà B phải trả cho bà giấy đất nói trên của hộ ông P và chấp nhận trả cho bà B số tiền 20.000.000 đồng (nợ gốc 4.000.000 đồng, và lãi 16.000.000 đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Năm 2001, bà Trần Thị A tham gia chơi hụi và mượn tiền của bà tổng cộng là 12.970.000 đồng, đến ngày 29/6/2001 bà giao thêm 4.000.000 đồng và bà A giao cho bà giấy đất của hộ ông P để làm tin cho khoản nợ vay trên và thỏa thuận bằng miệng thời hạn trả nợ là 02 tháng, nhưng sau đó bà A không trả nợ tự ý bỏ địa phương cho đến nay. Bà cho rằng bà A còn nợ bà tổng cộng 16.970.000 đồng nên bà có đơn phản tố yêu cầu bà A phải trả số nợ gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 29/6/2001 đến nay với lãi suất là 1,5%/tháng là 36.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng, khi trả xong nợ bà mới trả giấy đất trên cho bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và các con của ông Nguyễn Văn P là Trần Thị C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn K (đều ủy quyền cho bà Trần Thị A) trình bày: Vào năm 2002, ông Nguyễn Văn P (mất ngày 19/02/2003) cho bà A mượn giấy đất của hộ ông P đứng tên, việc bà A giao giấy đất này cho bà B để vay tiền thì gia đình không biết, nay gia đình có nhu cầu thừa kế đất nên yêu cầu bà B phải trả lại giấy đất trên cho gia đình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DSST ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Buộc bà Trần Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền tổng cộng là 12.445.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00006 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 12/9/1997 do hộ ông Nguyễn Văn P đứng tên cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trần Thị C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn K. Nếu bà B không giao trả giấy đất trên thì kiến nghị Ủy ban nhân dân quận M, thu hồi giấy đất nói trên để lập thủ tục cấp lại giấy đất theo quy định pháp luật.

Ngày 04/5/2017, bà Nguyễn Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm trên và yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải trả bà số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phía nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật khi giải quyết vụ án. Về nội dung, các bên đương sự đã thống nhất về tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng nhưng không thống nhất về tiền lãi, do yêu cầu về tiền lãi đã hết thời hiệu nhưng nguyên đơn đã tự nguyện trả lãi như án sơ thẩm là phù hợp, bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu trả cho bị đơn khoản nợ từ năm 2001 đến nay, đồng thời yêu cầu bị đơn phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho bị đơn để làm tin cho khoản nợ này. Phía bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán nhiều hơn số tiền mà nguyên đơn yêu cầu mới chấp nhận trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Tòa án thụ lý, giải quyết về tranh chấp đòi lại tài sản là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất việc bà Trần Thị A có vay của bà Nguyễn Thị B 4.000.000 đồng vào ngày 29/6/2001, hai bên không làm biên nhận gì với hạn trả nợ là 02 tháng kể từ ngày vay, bà B đã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn P do bà A giao để làm tin. Đến năm 2016 đương sự mới khởi kiện yêu cầu trả nợ là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011). Theo quy định của điều luật này đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện, lẽ ra Tòa án chỉ giải quyết buộc trả cho bị đơn số tiền nợ gốc nhưng nguyên đơn đã tự nguyện trả thêm tiền lãi nên bản án sơ thẩm đã tuyên nguyên đơn phải trả tổng cộng tiền vốn và lãi 12.445.000 đồng là có cơ sở, là đã có lợi cho phía bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm, những nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Nguyên đơn khởi kiện đồng thời còn yêu cầu bị đơn phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho hộ ông P, bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải đồng thời giao giấy chứng nhận để trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khi thi hành bản án là đúng. Tuy nhiên, những người trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn P có yêu cầu độc lập đòi bị đơn phải trả lại giấy chứng nhận này, bản án sơ thẩm nhận định giấy chứng nhận là chứng thư pháp lý đúng theo quy định tại khoản 16 Điều 3 của Luật đất đai năm 2014, nhưng chấp nhận việc đòi giấy chứng nhận này là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì giấy này không là loại giấy tờ có giá quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn có yêu cầu này đồng thời với yêu cầu khởi kiện và những người trong hộ gia đình ông P đã ủy quyền cho nguyên đơn nên bản án sơ

thẩm đã tuyên bị đơn phải trả lại giấy chứng nhận này cho những người trong hộ gia đình ông P là phù hợp. Các đương sự đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu này được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm bằng với số tiền tạm ứng đã nộp theo quy định tại Điều 29 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Buộc bà Trần Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền tổng cộng là 12.445.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 8.445.000 đồng.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nói trên, nếu bà Trần Thị A chậm trả tiền thì bà A phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000066, cấp ngày 12/9/1997 do hộ ông Nguyễn Văn P đứng tên để trả lại cho những người trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn P là Trần Thị C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn K. Nếu bà B không giao giấy chứng nhận nói trên thì những người có tên nói trên có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị A phải nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ với số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 003043, ngày 19/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ. Bà A đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai số 003473, ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trần Thị C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn K được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã

nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 003424, ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 002124, ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ. Bà B đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án Q.M;
- THA.DS-Q.M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Duy Lương